

# TÌNH HÌNH NỢ NGÂN HÀNG TRONG LỘ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG \*

**T**HỰC hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 3 và 9 (khóa IX), về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đến năm 2005 cả nước đã tiến hành sắp xếp được 2.881 doanh nghiệp (trong tổng số 5.655 doanh nghiệp) theo các hình thức: cổ phần hóa (2.826 doanh nghiệp, trong đó có 670 công ty cổ phần mà nhà nước giữ từ 51% vốn điều lệ, chiếm 36,7%); giao bán 245 doanh nghiệp; khoán kinh doanh, cho thuê 28 doanh nghiệp; sáp nhập, hợp nhất 408 doanh nghiệp; giải thể phá sản 164 doanh nghiệp; các hình thức khác 238 doanh nghiệp. Năm 2005, doanh nghiệp nhà nước có tổng số vốn là 270.159 tỉ đồng, tăng 127 tỉ đồng so với năm 2001, gần 90% số doanh nghiệp kinh doanh có lãi và không lỗ; đã giảm dần những doanh nghiệp quy mô nhỏ, những ngành, lĩnh vực mà không cần nắm giữ 100% vốn nhà nước. Điển hình như Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông, nhờ có cổ phần hóa, doanh nghiệp ăn nên làm ra mỗi năm nộp ngân sách nhà nước gần 20 tỉ đồng.

Trong những năm qua, các ngân hàng thương mại đã đầu tư hàng ngàn tỉ đồng để giúp các doanh nghiệp ổn định sản xuất, đứng vững trong cơ chế thị trường, nhiều doanh nghiệp, vay vốn trả nợ ngân hàng sòng phẳng. Cùng với vốn tự có, vốn tín dụng ngân hàng đã

tham gia tất cả các khâu trong quá trình tái sản xuất mở rộng của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình sắp xếp và chuyển đổi hình thức sở hữu, vẫn có không ít những doanh nghiệp tồn tại những khoản nợ tồn đọng cũ như nợ thuế, nợ bảo hiểm, trong đó nợ vay ngân hàng quá hạn đang chiếm tỷ trọng lớn từ những năm trước để lại, làm ảnh hưởng đến việc xác định giá trị doanh nghiệp. Từ thực tiễn về những mối quan hệ giữa ngân hàng và doanh nghiệp, có một số vấn đề đang đặt ra như sau:

- Trong những năm gần đây, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, ngân hàng cùng với các ngành đã xử lý được số nợ tồn đọng khá lớn để giúp các doanh nghiệp nhanh chóng tiến hành sắp xếp, chuyển đổi hình thức sở hữu, tiến hành cổ phần hóa. Khi chuyển sang mô hình mới dưới các hình thức như cổ phần hóa, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, các doanh nghiệp đã gặp phải không ít khó khăn với những món nợ quá hạn, tồn đọng của các ngân hàng thương mại nhà nước. Trong quá trình cổ phần hóa, có doanh nghiệp còn nợ cả gốc và lãi vài ba tỉ đồng. Số nợ tồn đọng đó đặt ra nhiều vấn đề khá nan giải trong việc xử lý, có lúc có

\* Chuyên viên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

doanh nghiệp coi đó như là những "ung nhọt", mà từ nhiều năm nay vẫn chưa tìm được lời giải dứt điểm, bởi tự thân doanh nghiệp cũng không thể cắt bỏ được, mà phải dùng nhiều biện pháp xử lý với nhiều mối quan hệ chằng chịt rất phức tạp.

- Nghiên cứu ở một số ngành cho thấy, các doanh nghiệp nông - lâm nghiệp và xây dựng cơ bản là đáng quan tâm hơn cả. Thực tế cho thấy những khoản nợ quá hạn lớn và tồn đọng lâu năm thường tập trung ở tất cả các loại hình doanh nghiệp như kinh doanh vật tư nông - lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ, các doanh nghiệp chế biến nông - lâm sản... Mỗi khoản nợ tồn đọng của mỗi loại hình doanh nghiệp phát sinh khác nhau và cần có hướng xử lý khác nhau. Xin nêu trường hợp điển hình về tài chính của một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vật tư nông nghiệp đến thời điểm 30-6-2005, như sau: Vốn nhà nước giao cho doanh nghiệp (bao gồm nguồn vốn kinh doanh và các nguồn vốn khác thuộc sở hữu nhà nước là 6.196 triệu đồng), lỗ lũy kế 1.875 triệu đồng (trong đó lỗ do bị thiệt hại do thiên tai chưa được khắc phục là 1,1 tỉ đồng). Các khoản tổn thất làm mất vốn chưa cân đối vào lỗ là 8.862 triệu đồng, vốn nhà nước còn lại sau khi cân đối âm (- 4,541 tỉ đồng); nợ phải trả cho các tổ chức tín dụng 40.404 triệu đồng và nợ phải trả cho các đối tượng khác là 11.943 triệu đồng.

Nguyên nhân của những khoản nợ tồn đọng này là do hạn hán, lũ lụt; có khoản lỗ do giá thị trường giảm xuống, làm cho giá bán sản phẩm thấp hơn giá thành sản xuất. Điển hình là giá cà phê xuất khẩu trong 3 năm qua giảm liên tục, cung lớn hơn cầu, do các nước Nam Mỹ được mùa, lượng tồn kho cà phê của các nước này tương đối lớn gây bất lợi cho xuất khẩu cà phê của Việt Nam, giá cà phê xuất khẩu giảm từ 548 USD/tấn xuống còn 420 USD/tấn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trồng, thu mua và chế biến cà phê gặp hạn hán, năng suất thấp, không cho sản phẩm nên không trả được nợ ngân hàng. Dẫu rằng đã được các tổ chức tín

dụng cho khoan nợ, giãn nợ trong 3 năm, nhưng sau thời gian khoan nợ, giãn nợ doanh nghiệp vẫn không có khả năng trả nợ. Số nợ quá hạn tồn đọng lớn làm cho các doanh nghiệp trong ngành cà phê không tiến hành việc cổ phần hóa đúng tiến độ. Ngoài ra, còn do công tác quản lý yếu kém, đầu tư tràn lan, không tính toán kỹ giữa vùng nguyên liệu với công suất chế biến các nhà máy đường, dẫn đến lãng phí hàng ngàn tỉ đồng của Nhà nước đã đầu tư vào máy móc, thiết bị, nhà xưởng, trong đó có vốn của ngân hàng cho vay đang bị "đắp chiếu" từ mấy năm nay.

Hiện nay, tài chính của các doanh nghiệp vẫn rất khó khăn, không có khả năng trả các khoản nợ tồn đọng vay ngân hàng nên phía doanh nghiệp và cơ quan chủ quản đề nghị xin được xóa khoản nợ quá hạn vay ngân hàng tồn đọng nói trên. Đây là bài toán đang đặt ra cho các ngân hàng thương mại, là một trong những nguyên nhân không thể tiến hành cổ phần hóa theo tiến độ đề ra.

Trong xây dựng cơ bản, những vướng mắc về tài chính để cổ phần hóa cũng giống như các loại hình doanh nghiệp khác, thậm chí còn khó khăn hơn. Vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chủ yếu là dựa vào vốn vay ngân hàng, do đó chi phí trả lãi tiền vay cao, khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành nhưng chưa được vốn ngân sách cấp. Các doanh nghiệp chiếm dụng vốn lẫn nhau tạo thành phản ứng dây chuyền làm cho nợ quá hạn trong các ngân hàng thương mại tăng cao. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, năm 2005 tổng số nợ đọng đối với doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng giao thông là 1946,2 tỉ đồng, trong đó, ngân sách trung ương nợ gần 943 tỉ đồng; ngân sách địa phương nợ 1.003 tỉ đồng. Tình trạng mất cân đối tài chính đối với doanh nghiệp đã cản trở tiến độ thi công các công trình, bởi các doanh nghiệp phải xoay sở trong khuôn khổ nguồn tài chính rất hạn hẹp, do vốn cho hoạt động kinh doanh thiếu. Vốn lưu động chỉ đáp ứng được khoảng 30% và

đang bị chiếm dụng, còn lại 70% nhu cầu là phải vay ngân hàng, hoặc các nguồn vốn khác bởi bị khống chế ở hạn mức và lãi suất. Các doanh nghiệp thiếu vốn, nên dù có tìm được thị trường để mở rộng quy mô sản xuất cũng không thể thực hiện được, bởi trong đó có yếu tố hạn mức vay và còn có nợ quá hạn nên các ngân hàng đều từ chối cho vay. Trong bối cảnh đó, bên cạnh các doanh nghiệp bị thua thiệt, thì người lao động cũng phải gánh chịu hậu quả do doanh nghiệp phải nợ lương công nhân và nợ bảo hiểm xã hội y tế.

Nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác cũng đang trong tình trạng như vậy. Nguyên nhân là do hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thấp, có doanh nghiệp đi vay gấp 20 đến 30 lần so với vốn tự có; có doanh nghiệp kinh doanh chủ yếu bằng vốn đi vay nên dẫn đến khả năng thanh toán các khoản nợ kém. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng, hiệu quả kinh doanh thấp, thua lỗ kéo dài. Theo số liệu báo cáo năm 2003 tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước chỉ đạt 10,7%, còn có tới 23,0% số doanh nghiệp thua lỗ với số lũy kế lên đến hàng tỉ đồng. Tình hình tài chính, công nợ của doanh nghiệp có nhiều biến động phức tạp theo chiều hướng không tốt, đã xuất hiện khoản nợ quá hạn lớn gây khó khăn trong việc vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do phải thi công các công trình trọng điểm, cấp bách thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương quản lý nên chưa thu hồi được vốn để trả nợ. Không ít doanh nghiệp đề nghị ngân hàng thương mại xin giãn nợ và không tính lãi đối với khoản nợ quá hạn để có thể tiến hành cổ phần hóa.

Một nguyên nhân nữa là, do máy móc thiết bị lạc hậu, không đồng bộ, chi phí khấu hao tính trên đơn vị sản phẩm cao do không khai thác hết công suất tài sản cố định. Nhiều doanh nghiệp hiệu suất sử dụng tài sản cố định thấp chỉ đạt khoảng 50% - 60%, năng suất lao

động thấp, chất lượng sản phẩm không cao, kiểu dáng chưa đa dạng. Nhiều sản phẩm có chi phí tiêu hao nguyên vật liệu cao so với định mức, số lượng lao động nhiều nên chi phí tiền lương trong giá thành sản phẩm và chi phí quản lý còn cao như trả lãi tiền vay, phí giao dịch, chi tiếp khách, tiếp tân, quảng cáo, xúc tiến thương mại. Do đó, sản phẩm sản xuất ra giá thành cao không có khả năng cạnh tranh ngay từ thị trường trong nước.

Mặt khác, việc cho giải thể phá sản doanh nghiệp nhà nước chậm do có khó khăn cả về thủ tục pháp lý và tâm lý của người lãnh đạo doanh nghiệp. Nhìn chung, quy mô các doanh nghiệp được cổ phần hóa đến nay vẫn còn nhỏ, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư có tiềm năng lớn về vốn và công nghệ, thị trường và kinh nghiệm quản lý, chưa thật sự đổi mới trong quản lý nội bộ doanh nghiệp, chưa phân định và nhận thức rõ về vai trò người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước và người trực tiếp quản lý doanh nghiệp cổ phần.

Về phía các tổ chức tín dụng, việc xử lý các khoản nợ tồn đọng và những tài sản thế chấp do các ngân hàng cho vay từ nhiều năm nay đã từng bước được giải quyết nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có hướng làm ăn mới, giúp doanh nghiệp có vốn để quay vòng cho những chu kỳ sản xuất tiếp theo. Tuy nhiên, việc xử lý nợ cũ chưa được triệt để, có những ngân hàng chưa vì lợi chung của nền kinh tế nên việc xử lý bị kéo dài, có những doanh nghiệp chưa được xem xét xử lý hoặc mới chỉ được xử lý một phần. Có những doanh nghiệp xin được xử lý nợ tồn đọng tiếp, và được khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ lãi vay để tiến hành sắp xếp lại, cổ phần hóa. Khi nợ tồn đọng của ngân hàng không được xử lý thì doanh nghiệp không thể chuyển đổi hình thức sở hữu được.

Có những trường hợp khi xây dựng phương án chuyển đổi sở hữu thuộc các bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định

cổ phần hóa thường không thấu đáo đến thực trạng cũng như phương án xử lý tài chính của doanh nghiệp, phần nợ của doanh nghiệp đối với ngân hàng, trách nhiệm nghĩa vụ tiếp nhận trả nợ theo các quy định hiện hành. Do vậy, sau khi thực hiện chuyển đổi, hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, đùn đẩy giữa doanh nghiệp cũ và những chủ nhân (cổ đông) mới đã nảy sinh, còn các ngân hàng thương mại thì đứng trước nguy cơ nợ xấu.

Để xử lý nợ tồn đọng, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa cần thực hiện các *giải pháp* chủ yếu sau đây:

**Thứ nhất**, cần thực hiện đúng các lộ trình hoàn thành các đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước đã được phê duyệt. Đẩy mạnh việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn theo hình thức giữ nguyên vốn nhà nước hiện có và phát hành cổ phiếu để huy động, tích tụ thêm vốn. Đồng thời xử lý dứt điểm các vấn đề tồn tại về vốn và tài chính của doanh nghiệp, nhất là các khoản nợ xấu, xác định đúng và đủ giá trị doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa. Để tháo gỡ những khó khăn trên, về xử lý tài chính đối với các doanh nghiệp sắp xếp lại chuyển đổi hình thức sở hữu, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 187/2004/NĐ-CP, ngày 16-11-2004 về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần. Đây là hướng đi mới giúp cho các doanh nghiệp giải quyết được những tồn tại cũ. Trong quá trình cổ phần hóa, nếu các doanh nghiệp có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn do kinh doanh thua lỗ thì được xem xét xử lý. Đối với các khoản nợ tồn đọng, Ngân hàng Nhà nước đã có Thông tư số 05/2005/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung liên quan đến hoạt động ngân hàng theo Nghị định nói trên và Thông tư số 05/2003/TT-NHNN ngày 24-2-2003 theo Nghị định số 69/2002/NĐ-CP, ngày

12-7-2002 của Chính phủ về xử lý nợ tồn đọng. Cụ thể là:

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước có quyết định thực hiện chuyển đổi nhưng gặp khó khăn không cân đối được nguồn để thanh toán các khoản nợ quá hạn thì Tổng giám đốc Ngân hàng xem xét quyết định cho doanh nghiệp được giãn, khoan các khoản nợ quá hạn hiện có đến thời điểm thực hiện quyết định chuyển đổi trong thời gian từ 3 đến 5 năm. Trường hợp các doanh nghiệp này bị lỗ, không có khả năng thanh toán thì được xóa nợ lãi vay chưa trả ngân hàng với mức không vượt quá số lỗ còn lại.

- Đối với các doanh nghiệp đang thực hiện cổ phần hóa, giao, bán ngoài biện pháp khoan nợ, xóa nợ, các ngân hàng thương mại chủ động phối hợp với các doanh nghiệp và các tổ chức có chức năng mua bán nợ và tài sản tồn đọng để xử lý phần nợ gốc quá hạn còn lại theo hướng bán nợ hoặc chuyển nợ thành vốn góp.

- Trường hợp khách hàng không trả nợ lãi đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và có văn bản điều chỉnh kỳ hạn trả lãi thì tổ chức tín dụng xem xét quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi. Ngân hàng thương mại được quyền miễn, giảm lãi đối với khách hàng khi khách hàng bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay dẫn đến bị khó khăn về tài chính. Việc miễn giảm bao nhiêu là tùy thuộc vào khả năng cân đối tài chính của các tổ chức tín dụng.

- Đối với khoản nợ vay đã được xử lý như khoan nợ, giãn nợ nay đã hết thời hạn thì ngân hàng phải chuyển sang nợ vay thông thường. Về nguyên tắc doanh nghiệp phải có trách nhiệm hoàn trả nợ vay cho các ngân hàng thương mại theo chế độ tín dụng quy định. Nhưng trong quá trình cổ phần hóa, khi xác định giá trị doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, như: công nợ phải thu, công nợ phải trả và lỗ lũy kế từ những năm trước còn để lại,

vốn chủ sở hữu âm. Do vậy, nếu không xử lý được các khoản nợ tồn đọng thì doanh nghiệp không thể tiến hành cổ phần hóa được.

**Thứ hai**, thực hiện tốt mối quan hệ 3 nhà (nhà doanh nghiệp - nhà tài chính - nhà ngân hàng) vì lợi ích chung của nền tài chính quốc gia để cùng chia sẻ khó khăn với nhau tạo điều kiện cho doanh nghiệp giải quyết hết những tồn tại cũ. Bộ Tài chính cùng với các ngành có liên quan, xử lý kịp thời, dứt điểm các khoản nợ của các doanh nghiệp, các khoản nợ tồn đọng bao gồm nợ gốc, nợ lãi bảo đảm lợi ích của nhà nước và của doanh nghiệp... để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu, nhất là cổ phần hóa được thuận lợi. Trong điều kiện vốn ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn phải giải quyết nhu cầu chi tiêu lớn cho an ninh - quốc phòng và các nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội khác nên việc trợ giúp cho các doanh nghiệp cũng rất hạn hẹp. Các ngân hàng thương mại cũng là doanh nghiệp nên nguồn vốn cho vay cũng là nguồn vốn huy động. Nếu doanh nghiệp không trả được nợ thì ngân hàng cũng sẽ không có vốn để quay vòng và ngược lại. Doanh nghiệp phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh là chính, tận dụng mọi nguồn thu và huy động vốn từ nhiều nguồn để giảm bớt những áp lực khó khăn nói chung.

**Thứ ba**, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương và khách hàng vay vốn để khẩn trương thu hồi nợ vay đối với các đơn vị vay vốn để thi công các công trình xây dựng cơ bản. Vấn đề này theo chủ trương của Nhà nước, đến cuối năm 2006 phải xử lý dứt điểm nợ tồn đọng xây dựng cơ bản. Kiên quyết xử lý dứt điểm tài sản, vật tư hàng hóa ứ đọng, tồn kho, kém phẩm chất của doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện cơ cấu lại nợ, xử lý triệt để các khoản công nợ dây dưa để làm lành mạnh hóa tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở đó xác định rõ thời gian thực hiện cổ phần hóa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dễ dàng

tiếp cận vốn vay ngân hàng. Nghiên cứu hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay đối với những công ty cổ phần vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

**Thứ tư**, việc cho khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ, miễn giảm lãi là quyền của các tổ chức tín dụng đối với doanh nghiệp; các ngân hàng thương mại cần hướng dẫn cụ thể các doanh nghiệp về trình tự, thủ tục hồ sơ về xử lý các khoản nợ tồn đọng theo chỉ đạo của các bộ, ngành ở trung ương. Đồng thời, xem xét lại việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, cơ cấu lại nợ để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiến hành sắp xếp, cổ phần hóa được thuận lợi, dễ dàng với phương châm sát cánh cùng doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước không can thiệp vào quyền tự chủ kinh doanh của các tổ chức tín dụng. Đối với các doanh nghiệp nhà nước đã, đang và sẽ sắp xếp lại để cổ phần hóa, các ngân hàng thương mại chủ động tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước với vai trò là chủ nợ theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX). Tiếp tục mở rộng đầu tư vốn tín dụng để giúp cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ bằng nguồn vốn trung dài hạn để mua sắm các loại máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và xây dựng nhà xưởng để doanh nghiệp có đủ sức cạnh tranh cao, phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững trong quá trình hội nhập quốc tế.

**Thứ năm**, cần có những kênh đối thoại giữa ngân hàng và doanh nghiệp chung quanh vấn đề ngân hàng với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Những kênh đối thoại đó do Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính chủ trì cùng với sự tham gia của các ngành có liên quan để cùng với doanh nghiệp tìm lời giải hợp lý cho những khó khăn, vướng mắc về tài chính trong quá trình cổ phần hóa, trên cơ sở đó các ngân hàng thương mại tự lựa chọn phương án kiến nghị lên Chính phủ. □